TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **856**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Mai Hảo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 420/2023/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 806/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn Q., sinh năm: 1971;
Địa chỉ: Số 1031 đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* bà Phan Thị Thùy D., sinh năm: 1971;
Địa chỉ: Số 48/25 đường X, phường Y, quận Z, Thành Phố Hồ Chí Minh;

(Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

❖ Tại Đơn khởi kiện ngày 04/5/2023, bản tự khai và tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q. trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyển số: I/D2, ngày 20/3/2002.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bà D. thường xuyên cờ bạc, nợ nần cá nhân do vay mượn. Từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Cả hai đã ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy ông Q. không muốn cả hai hòa giải đoàn tụ. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Văn Q. yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Thùy D..

- Về con chung: ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quang D1., sinh ngày 05/10/2002. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn Q. xác nhận ông và bà Phan Thị Thùy D. không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: ông Nguyễn Văn Q. xác nhận ông và bà Phan Thị Thùy D. không có nợ chung.

❖ Tại các bản tự khai và tại các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn bà Phan Thị Thùy D. trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Phan Thị Thùy D. và ông Nguyễn Văn Q. tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2002, quyển số: I/D2, ngày 20/3/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung, thời gian gần đây có phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên không có ly thân mà vẫn sống chung. Cả hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng chưa thành. Bà Phan Thị Thùy D. không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn thương ông Q..

- Về con chung: bà Phan Thị Thùy D. và ông Nguyễn Văn Q. có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quang D1., sinh ngày 05/10/2002. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà Phan Thị Thùy D. xác nhận bà và ông Nguyễn Văn Q. không có tài sản chung.

- Về các vấn đề khác: bà D. không có yêu cầu gì khác.

❖ Tại phiên tòa sơ thẩm,

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q. và Bị đơn bà Phan Thị Thùy D. có mặt.

- Ông Q. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bà D. xác nhận năm 2019 bà bị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện về khoản nợ 35.446.000 đồng nhưng đây là khoản nợ tín chấp, với mục đích tiêu dùng cá nhân (Bản án số 138/2019/DS-ST ngày 28/5/2019).

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến với nội dung chính như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định quan hệ tranh chấp; xác định tư cách pháp lý; thu thập chứng cứ; thời gian tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q. được ly hôn với bà Phan Thị Thùy D.. Về con chung: bà Phan Thị Thùy D. và ông Nguyễn Văn Q. có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quang D1., sinh ngày 05/10/2002. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về tài sản chung: ông Q. và bà D. cùng xác nhận không có nên không xét. Về nợ chung: ông Q. khai ông và bà D. không có nợ chung. Bà D. tại phiên tòa xác nhận khoản nợ của bà là nợ riêng. Do đó, đề nghị giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn bà Phan Thị Thùy D. trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số: 21/2002, quyển số: I/D2, ngày 20/3/2002 của Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, thì quan hệ giữa ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. là quan hệ hôn nhân được pháp luật công nhận. Căn cứ Đơn khởi kiện về "Tranh chấp ly hôn", là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ hồ sơ vụ án và bản tự khai của bị đơn bà Phan Thị Thùy D. thì: bà Phan Thị Thùy D. có địa chỉ cư trú tại số 48/25 đường X, phường Y, quận Z, Thành Phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn bà Phan Thị Thùy D. có nơi cư trú thực tế tại phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q. và bị đơn bà Phan Thị Thùy D. có mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, Đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn; Bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn: Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. thực tế đã có mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về vấn đề kinh tế và chi tiêu cho gia đình, bản thân vợ và chồng; về sự tôn trọng và chia sẻ giữa hai vợ chồng nên mâu thuẫn giữa ông Q. và bà D. ngày càng trầm trọng. Hiện nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đang sống ly thân khiến cho tình cảm vợ chồng giữa ông Q. và bà D. ngày càng phai nhạt.

Mặc dù bị đơn bà Phan Thị Thùy D. trình bày vẫn muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông Q. trình bày ý kiến và thể hiện thái độ kiên quyết không muốn hòa giải đoàn tụ, không còn tình cảm đối với bà D., việc sống chung với bà D. khiến ông Q. bị khủng hoảng tâm lý nghiêm trọng, không tránh khỏi gây gỗ, cãi vã và xô xát.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của ông Q. và bà D. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q. được ly hôn với bà Phan Thị Thùy D..

[2.2] Về con chung: ông Nguyễn Văn Q. xác nhận ông và bà Phan Thị Thùy D. có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quang D1., sinh ngày 05/10/2002. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: ông Nguyễn Văn Q. xác nhận ông và bà D. không có nợ chung.

Bà D. tại các buổi hòa giải yêu cầu chia nợ chung. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về khoản nợ chung nhưng bà D. không cung cấp tài liệu, chứng cứ về khoản nợ chung tại các buổi phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải sau đó. Do không có căn cứ để xem xét về khoản nợ chung nên Tòa án tiến hành thủ tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục

chung. Hơn nữa, tại phiên tòa xét xử sở thẩm, bà D. xác nhận năm 2019 bà bị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện về khoản nợ 35.446.000 đồng nhưng đây là khoản nợ tín chấp, với mục đích tiêu dùng cá nhân (Bản án số 138/2019/DS-ST ngày 28/5/2019). Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản nợ riêng của bà D. và đã được giải quyết bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về các vấn đề khác:

Hội đồng xét xử xét thấy cần giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn bà Phan Thị Thùy D. trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm do ông Nguyễn Văn Q. phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 96; Điều 97; khoản 3 Điều 106; khoản 1 Điều 147; Điều 171; Điều 177; Điều 179; Điều 196; Điều 208; Điều 220; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q..

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Q. được ly hôn với bà Phan Thị Thùy D..

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 21/2002, quyển số: I/D2, ngày 20/3/2002 của Ủy ban nhân dân Phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Quang D1., sinh ngày 05/10/2002. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn Q. và bà Phan Thị Thùy D. cùng xác nhận không có tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung. Bị đơn xác nhận chỉ có khoản nợ riêng, do đó Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về các vấn đề khác: giành quyền khởi kiện về tài sản chung và nợ chung cho bị đơn bà Phan Thị Thùy D. trong vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Văn Q. phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0014038 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn Q. đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Lâm Đức Tài